

Số: 4097/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư
dự án hoàn thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số: 6738/TTr-STC ngày 27/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: Mua sắm trang thiết bị vận động thông minh cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh

- Địa điểm xây dựng: Các trường mầm non trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian khởi công : 27/12/2017, hoàn thành: 26/03/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị : đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) – (3)
Tổng số	42.889.014.000	42.737.407.000	151.607.000
- Ngân sách Tỉnh (vốn sự nghiệp)	42.889.014.000	42.737.407.000	151.607.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	43.341.945.138	42.889.014.000
1. Đền bù, GPMB, TĐC	0	0
2. Xây dựng	0	0
3. Thiết bị	43.192.557.473	42.588.020.000
4. Chi phí QLDA + TVXD + khác	149.387.665	149.387.000
5. Chi phí dự phòng	0	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			42.889.014.000	42.889.014.000
1. Tài sản cố định			42.889.014.000	42.889.014.000
2. Tài sản lưu động			0	0

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	42.889.014.000	
- Ngân sách Tỉnh (vốn sự nghiệp)	42.889.014.000	
- Vốn khác	0	

- Tổng các khoản công nợ như sau là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 151.607.000 đồng.

(Chi tiết công nợ kèm theo Báo cáo số 6737/BC-STC ngày 27/11/2019 của Sở Tài chính về kết quả thẩm tra quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản: (Theo bảng phụ lục đính kèm).

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

4. Các nghiệp vụ hạch toán khác: Chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán công nợ theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan chức năng liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng





PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỐ TÀI SẢN DỰ ÁN MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ VẬN
ĐỘNG THÔNG MINH CHO CÁC CƠ SỞ MẦM NON CÔNG LẬP

(Kèm theo Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 13 / 12 /2019

STT	TÊN ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN TÀI SẢN	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG
Các trường MN/MG trên địa bàn huyện huyện Nhon Trạch			
1	Trường Phước Long	419,925,000	0
2	Trường Vĩnh Thanh	483,270,000	0
3	Trường Nhon Thanh	488,909,000	0
4	Trường Hoa Sen	459,302,000	0
5	Trường Phú Hữu	542,687,000	0
6	Trường Nhon Nghĩa	474,105,000	0
7	Trường Long Thọ	461,920,000	0
8	Trường Phước Thiện	510,460,000	0
9	Trường Đại Phước	459,100,000	0
10	Trường Hiệp Phước	513,079,000	0
11	Trường Phước An	473,904,000	0
12	Trường Phú Hội	417,105,000	0
13	Trường Long Tân	444,094,000	0
14	Trường Phước Hiệp	449,734,000	0
15	Trường Phú Thạnh	503,714,000	0
16	Trường Phước Khánh	555,073,000	0
17	Trường Phú Đông	500,894,000	0
Các trường MN/MG trên địa bàn huyện huyện Thống Nhất			
18	Trường Dầu Giây	471,487,000	0
19	Trường Xuân Thiện	447,115,000	0
20	Trường Tuổi Ngọc	486,290,000	0
21	Trường Hướng Dương	459,301,000	0
22	Trường Bình Lộc	483,673,000	0
23	Trường Lộ 25	471,084,000	0
24	Trường Hòa Mi	471,285,000	0
25	Trường Hoa Mai	461,920,000	0
26	Trường Hoa Cúc	432,110,000	0
27	Trường Sơn Ca	501,095,000	0
28	Trường Bình Minh	392,936,000	0

29	Trường Lê Lợi	392,936,000	0
30	Trường Quang Trung A	444,094,000	0
31	Trường Quang Trung B	446,914,000	0
32	Trường Tuổi Thơ	456,280,000	0
33	Trường Gia Kiệm	441,477,000	0
34	Trường Gia Tân 1	429,290,000	0
35	Trường Gia Tân 2	473,904,000	0
36	Trường Gia Tân 3	429,290,000	0
37	Trường Hoa Phượng	429,290,000	0

Các trường MN/MG trên địa bàn Tp Long Khánh

38	Trường Sơn Ca	447,115,000	0
39	Trường Thanh An	507,641,000	0
40	Trường An Bình	513,279,000	0
41	Trường Sen Hồng	419,925,000	0
42	Trường An Lộc	434,930,000	0
43	Trường Sao Mai	405,121,000	0
44	Trường Xuân Tân	444,297,000	0
45	Trường Tuổi Thơ	515,899,000	0
46	Trường 19/5	471,487,000	0
47	Trường Xuân Lập	407,739,000	0
48	Trường Ánh Dương	486,089,000	0
49	Trường Bảo Quang	472,796,000	0
50	Trường Hoa Sen	417,307,000	0
51	Trường Hàng Gòn	461,920,000	0
52	Trường Vành Khuyên	444,297,000	0
53	Trường Bình Minh	417,307,000	0

Các trường MN/MG trên địa bàn huyện Xuân Lộc

54	Trường Bảo Hòa	515,899,000	0
55	Trường Bình Hòa	461,920,000	0
56	Trường Lang Minh	459,100,000	0
57	Trường Suối Cao	513,279,000	0
58	Trường Suối Cát	540,270,000	0
59	Trường Thọ Vực	437,549,000	0
60	Trường Xuân Bắc	540,270,000	0
61	Trường Trảng Táo	434,729,000	0
62	Trường Xuân Định	488,909,000	0
63	Trường Xuân Hiệp	555,073,00	0
64	Trường Xuân Hòa	555,073,000	0
65	Trường Xuân Hưng	579,444,000	0

66	Trường Xuân Lộc	679,547,000	0
67	Trường Xuân Phú	474,105,000	0
68	Trường Xuân Tâm	540,270,000	0
69	Trường Xuân Thành	515,899,000	0
70	Trường Mầm non Xuân Thọ	655,176,000	0
71	Trường Xuân Trường	542,888,000	0
Các trường MN/MG trên địa bàn huyện Long Thành			
72	Trường Thành Nghĩa	456,482,000	0
73	Trường An Phước	437,347,000	0
74	Trường Long Đức	474,15,000	0
75	Trường Tam An	483,270,00	0
76	Trường Long Thành	474,105,000	0
77	Trường Hoa Mai	473,904,000	0
78	Trường Lộc An	392,936,000	0
79	Trường Mầm non Bình Sơn	501,095,000	0
80	Trường Mẫu giáo Bình Sơn	446,713,000	0
81	Trường An Viễn	459,302,000	0
82	Trường Bình An	429,290,000	0
83	Trường Cẩm Đường	471,084,000	0
84	Trường Long An	486,291,000	0
85	Trường Long Phước	491,327,000	0
86	Trường Tân Thành	476,522,000	0
87	Trường Thái Thành Hiệp	474,105,000	0
88	Trường Tân Hiệp	476,724,000	0
89	Trường Phước Thái	542,687,000	0
90	Trường Phước Bình	506,130,000	0
TỔNG:		42,889,014,000	0